

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG – CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG
MARKETING**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4409/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15/09/2022
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tên văn bằng	: Cử nhân Quan hệ công chúng
Trình độ đào tạo	: Đại học
Tên CTĐT	: Cử nhân ngành Truyền thông – marketing
Tên tiếng Anh	: BA program in Professional Public Relations
Mã số	: 7320108
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Khoa quản lý	: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

1.1. Sứ mạng

- *Sứ mạng của Học viện*: Là trường Đảng, trường đại học được xây dựng thành trường trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện có sứ mệnh nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, tuyên truyền, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

- *Sứ mạng của Khoa*: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo ra đời với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông marketing tại Việt Nam.

1.2. Tầm nhìn

- *Tầm nhìn của Học viện đến năm 2045*: Học viện là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục của Việt Nam trong các lĩnh vực lý luận chính trị, xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, tư tưởng - văn hoá, báo chí, tuyên truyền và truyền thông.

Học viện phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế, trung tâm nghiên cứu có tầm ảnh hưởng về lý luận chính trị, báo chí và truyền thông tại Đông Nam Á và châu Á. Học viện phấn đấu đến năm 2055 trở thành trường đại học hàng đầu châu Á.

- *Tầm nhìn của khoa:* Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo là đơn vị đi đầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông marketing tại Việt Nam, tiên phong trong xây dựng các chương trình đào tạo theo hướng đổi mới sáng tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội, xây dựng môi trường tự do học thuật, hội tụ các nhà khoa học, đội ngũ giảng viên, các chuyên gia đầu ngành, các nhà tuyển dụng hàng đầu về lĩnh vực quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông marketing.

1.3. Giá trị cốt lõi

- *Giá trị cốt lõi của Học viện:*

- Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

- Dân chủ: là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.

- Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện.

- Sáng tạo: Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

- Chất lượng: là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Học viện, hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng.

- Cống hiến: là trách nhiệm, lý tưởng, lối sống của mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Học viện.

- *Giá trị cốt lõi của khoa:*

- Tiên phong: luôn tiên phong tiến về phía trước, dẫn đầu về đào tạo, bắt kịp xu hướng thế giới.

- Chuyên nghiệp: là môi trường sư phạm uy tín với đội ngũ cán bộ, giảng viên dày dặn chuyên môn, đào tạo ra đội ngũ nhân sự chất lượng cao và chuyên nghiệp.

- Đam mê: là phương châm giáo dục với sự tận tâm, luôn hết mình vì người học và vì hoạt động chuyên môn.

- Sáng tạo: là sự đổi mới hàng ngày, hướng tới những đặc tính linh hoạt, cởi mở và kết nối quá khứ với hiện tại.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành truyền thông marketing hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và marketing, quan hệ công chúng; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

PO2. Kiến thức nền tảng về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản.

PO3. Kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing.

PO4. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về truyền thông marketing.

PO5. Kỹ năng phân tích, phản biện, phê phán và tư duy sáng tạo.

PO6. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người nghe trong môi trường công việc.

PO7. Kỹ năng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

PO8. Kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực truyền thông marketing.

PO9. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án, xây dựng và quảng bá thương hiệu, sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong sáng tạo, thiết kế và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực truyền thông marketing.

PO10. Kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, phát triển các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực truyền thông marketing.

PO11. Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm trước tổ chức.

PO12. Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và giám sát các hoạt động trong công việc.

2.3. Vị trí công tác sau tốt nghiệp

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Nhân viên tại các công ty quảng cáo, truyền thông chuyên nghiệp trong và ngoài nước.
- Cán bộ truyền thông, marketing, QHCC cho các tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ.
- Cán bộ nghiên cứu khoa học, truyền thông marketing và hoạt động thực tiễn.
- Cán bộ tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo, quản lý công tác báo chí truyền thông.

2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ hoặc chuyển tiếp học tiến sĩ (nếu tốt nghiệp đạt từ loại giỏi) thuộc ngành truyền thông marketing hoặc các chuyên ngành gần tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Người học tốt nghiệp ngành truyền thông marketing có nhiều cơ hội đạt học bổng tham gia các khóa học ngắn hạn và dài hạn về truyền thông quốc tế, báo chí, truyền thông... tại các trường đại học uy tín trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

STT	Nội dung Kiến thức
	3.1. Kiến thức chung
PLO1	Hiểu các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.
PLO2	Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản.
	3.2. Kiến thức ngành
PLO3	Vận dụng kiến thức cơ bản về truyền thông marketing bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong truyền thông marketing.
PLO4	Vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về truyền thông marketing trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác.
PLO5	Vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quan hệ công chúng vào hoạt động nghiên cứu và thực hành truyền thông marketing.
	3.3. Kiến thức chuyên ngành
PLO6	Vận dụng các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ,

chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án truyền thông marketing.

- PLO7 Vận dụng kiến thức truyền thông marketing chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông.

Kỹ năng

Kỹ năng chung

- PLO8 Kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo.
PLO9 Kỹ năng phát ngôn, giao tiếp, đàm phán và thuyết trình các ý tưởng.
PLO10 Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam.
PLO11 Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Kỹ năng chuyên ngành

- PLO12 Kỹ năng lập kế hoạch truyền thông marketing: nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án truyền thông marketing.
PLO13 Kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực truyền thông marketing.
PLO14 Kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án truyền thông marketing.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO15 Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
PLO16 Có thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm trong công việc, có đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự chủ, có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
PLO17 Năng lực lãnh đạo, điều phối, quản lý các nguồn lực, dẫn dắt khởi nghiệp các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực truyền thông marketing.

3.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

Thực hiện theo Quy định về chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Ban hành kèm theo Quyết định số 3780-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 09/9/2019 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền).

Trình độ ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 (~ B2) - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trình độ tin học: Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (~ trình độ B) theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và khung trình độ quốc gia

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Kiến thức	x	x	x	x	x	x	x										
Kỹ năng								x	x	x	x	x	x	x			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm															x	x	x

5. Tiêu chí tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh được thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

- Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 của Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

7. Nội dung chương trình

7.1. Các khối kiến thức

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương	40
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	11
<i>Bắt buộc</i>	7
<i>Tự chọn</i>	4

- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	65
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc</i>	15
<i>Tự chọn</i>	3/15
- Kiến thức ngành	12
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	3/6
- Kiến thức chuyên ngành	23
<i>Bắt buộc</i>	20
<i>Tự chọn</i>	3/6
- Kiến thức bổ trợ	12
<i>Bắt buộc</i>	9
<i>Tự chọn</i>	3/9
Kiến tập, thực tập, khoá luận tốt nghiệp	25
<i>Thực tế kinh tế - xã hội</i>	5
<i>Thực tập nghề nghiệp</i>	10
<i>Khoá luận tốt nghiệp / Tác phẩm tốt nghiệp</i>	10
Tổng	130 tín chỉ

7.2. Nội dung chương trình chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			40										
A1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM51001	Triết học Mác- Lênin`	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
2	KT51001	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2.0	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
3	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	20	5	5	10	10	5	0	5	15	
4	LS51001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0	20	5	5	10	10	10	0	0	15	
5	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			11										
Bắt buộc			7										
6	NP51001	Pháp luật đại cương	3.0	30	15	0	20	10	20	0	10	0	TM01012 CN01001
7	TG51001	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0	20	5	5	15	5	5	0	5	15	
8	QQ56011	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)	2.0	20	5	5	15	5	10	0	0	15	
Tự chọn			4/8										
9	TT51001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0	20	5	5	15	5	5	0	5	15	

10	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới	2.0	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
11	NN51015	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	2.0	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
12	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	2.0	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
Khoa học tự nhiên			3										
13	ĐC51003	Tin học ứng dụng	3.0	5	20	20	5	0	0	40	0	60	
Ngoại ngữ			15										
14	NN51011	Tiếng Anh học phần 1	4.0	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
15	NN51012	Tiếng Anh học phần 2	3.0	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
16	NN51013	Tiếng Anh học phần 3	4.0	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
17	NN51014	Tiếng Anh học phần 4	4.0	20	20	5	15	5	25	0	15	15	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			65										
Kiến thức cơ sở ngành			18										
Bắt buộc			15										
18	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
19	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
20	QQ56001	Marketing	3	25	10	10	15	10	10	0	10	30	

21	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thể chất	3	25	10	10	15	10	10	10	0	30	
22	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	3	20	20	5	10	10	30	0	10	15	
<i>Tự chọn</i>			3/15										
23	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông	3.0	40	0	5	30	0	0	0	0	30	
24	QQ56005	Truyền thông xã hội	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
25	QQ52002	Luật và đạo đức báo chí truyền thông	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
26	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
27	QQ56004	Truyền thông quốc tế	3.0	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
<i>Kiểm thức ngành</i>			12										
<i>Bắt buộc</i>			9										
28	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3.0	10	20	15	5	5	10	0	25	45	
29	QQ53011	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông	3.0	10	25	10	10	0	15	0	35	30	
30	QQ53006	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông	3.0	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
<i>Tự chọn</i>			3/6										
31	QQ53007	Quan hệ báo chí	3.0	20	20	5	10	10	30	0	10	15	
32	QQ56007	Chiến dịch truyền thông	3.0	15	15	15	10	5	10	0	20	45	

B4. Kiến thức chuyên ngành			23										
Bắt buộc			20										
33	QQ53002	Chiến lược Marketing	3.0	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
34	QQ53010	Sáng tạo nội dung	3.0	10	25	10	10	0	15	0	35	30	
35	QQ53009	Sản xuất sản phẩm truyền thông	3.0	10	25	10	10	0	15	0	35	30	
36	QQ56008	Hành vi khách hàng	3.0	20	20	5	10	10	30	0	10	15	
37	QQ53012	Tổ chức sự kiện	3.0	5	20	20	5	5	5	0	45	30	
38	QQ53001	Các chuyên đề truyền thông	3.0	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
39	QQ53004	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện	2.0	15	15	0	5	10	15	0	15	0	
Tự chọn			3/6										
40	QQ53014	Văn hóa doanh nghiệp	3.0	25	10	10	25	0	5	0	15	30	
41	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng	3.0	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
Kiến thức bổ trợ			12										
Bắt buộc			9										
42	QQ53003	Kỹ năng bán hàng	3.0	15	15	15	10	5	5	0	25	45	
43	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng	3.0	15	15	15	10	5	5	0	25	45	

44	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc	3.0	20	20	5	10	10	20	0	20	15	
<i>Tự chọn</i>			3/9										
45	QQ56006	Gây quỹ	3.0	25	10	10	15	10	10	0	10	30	
46	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR	3.0	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
47	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi sao	3.0	15	15	15	10	5	10	0	20	45	
C. Kiến tập, thực tập, khóa luận tốt nghiệp			25										
48	QQ54014	<i>Thực tế kinh tế - xã hội</i>	<i>5.0</i>	15	45	15	5	10	0	0	90	45	
49	QQ54015	<i>Thực tập nghề nghiệp</i>	<i>10.0</i>	45	90	15	5	40	0	0	180	45	
50	QQ54016	<i>Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp</i>	<i>10.0</i>	45	15	90	5	40	0	0	30	270	

8. Ma trận liên kết giữa các học phần với CDR của CTĐT

STT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	TM51001	Triết học Mác- Lênin	L	M													L	M	H
2	KT51001	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	M	L													M	L	M
3	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M	M													M	M	M
4	LS51001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	M	M													M	M	M
5	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M	M													M	M	M
6	NP51001	Pháp luật đại cương	M	M													M	M	M
7	TG51001	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	M	H	M												M	H	M
8	QQ56011	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)	M	M	H								M				M	M	
9	TT51001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	L	M	M													M	
10	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới	L	M	M													M	
11	NN51015	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	H	M	M								M					M	
12	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	M	M	M													M	
13	ĐC51003	Tin học ứng dụng		H	M										H			M	
14	NN01015	Tiếng Anh học phần 1		H	M								H					M	
15	NN01016	Tiếng Anh học phần 2		H	M								H					M	
16	NN01017	Tiếng Anh học phần 3		H	M								H					M	
17	NN01023	Tiếng Anh học phần 4		H	M								H					M	
18	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng		M	M	M	M										M	M	L
19	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo		M	M	M	M										M	M	L
20	QQ56001	Marketing		M	M	M	M										M	M	L
21	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thể chất		L														L	
22	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị		M	M	M	M								M		M	M	L

		tích hợp IMC																	
23	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông		M	M	M	M										M	M	L
24	QQ56005	Truyền thông xã hội		M	M	M	M										M	M	L
25	QQ52002	Luật và đạo đức báo chí truyền thông		M	M	M	M										M	M	L
26	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý		M	M	M	M										M	M	L
27	QQ56004	Truyền thông quốc tế		M	M	M	M										M	M	L
28	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu		M	M	M	M										M	M	L
29	QQ53011	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông		M	M	M	M							H	H		M	M	L
30	QQ53006	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông		H	H	H	H	L	L	L	L			M	M	M	M	M	L
31	QQ53007	Quan hệ báo chí		H	H	H	H	L	L	L	L			M	M	M	M	M	L
32	QQ56007	Chiến dịch truyền thông		H	H	H	H	L	L	L	L			M	M	M	M	M	L
33	QQ53002	Chiến lược Marketing						H	H	H	H			M	M	M	M	M	L
34	QQ53010	Sáng tạo nội dung						H	H	H	H			M	M	M	M	M	L
35	QQ53009	Sản xuất sản phẩm truyền thông						H	H	H	H			M	M	M	M	M	L
36	QQ56008	Hành vi khách hàng						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
37	QQ53012	Tổ chức sự kiện						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
38	QQ53001	Các chuyên đề truyền thông						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
39	QQ53004	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện						L	L	L	L			M	M	M	M	M	M
40	QQ53014	Văn hóa doanh nghiệp						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
41	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
42	QQ53003	Kĩ năng bán hàng						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
43	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M

44	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
45	QQ56006	Gây quỹ						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
46	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
47	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi sao						H	H	H	H			M	M	M	M	M	M
48	QQ54014	Thực tế kinh tế - xã hội		M	M	M	M	H	H	H	H	L	L	M	M	M	H	H	H
49	QQ54015	Thực tập nghề nghiệp		M	M	M	M	H	H	H	H	L	L	M	M	M	H	H	H
50	QQ54016	Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp	L	M	M	M	M	H	H	H	H	M	M	M	M	M	H	H	H

9. Phương pháp giảng dạy và Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

9.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp giảng dạy cơ bản được sử dụng trong chương trình đào tạo: Giảng lý thuyết, thảo luận (thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề), nghiên cứu trường hợp (Case study), dạy học thông qua vấn đề (Problem-based learning), dạy học thông qua làm dự án (Project-based learning), thuyết trình (người học thuyết trình - Presentation), đóng vai, mô phỏng (Roleplay, simulation), làm thí nghiệm, bài tập thực hành (Experiment, exercise), nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập (Fieldwork)...

9.2 Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT

ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Thông kê các phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Triết học Mác-Lênin	X										X									
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	X										X									
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X										X									
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X				X						X				X					
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X							X											X	
6	Pháp luật đại cương	X												X							
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	X										X									
8	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)								X										X		
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X										X									
10	Lịch sử văn minh thế giới	X										X									

TT	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
11	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	X										X									
12	Quan hệ quốc tế đại cương			X										X							
13	Tin học ứng dụng							X										X			
14	Tiếng Anh học phần 1			X										X							
15	Tiếng Anh học phần 2			X										X							
16	Tiếng Anh học phần 3			X										X							
17	Tiếng Anh học phần 4			X										X							
18	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất			X										X							
19	Kỹ thuật Điện kinh							X										X			
20	Thể dục cơ bản							X										X			
21	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	X										X									
22	Công tác quốc phòng và an ninh	X										X									
23	Quân sự chung							X										X			
24	Kỹ thuật chiến đấu bộ						X										X				

TT	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	binh và chiến thuật																				
25	Kỹ thuật Bóng chuyền							X										X			
26	Kỹ thuật Bóng rổ							X										X			
27	Võ Vovinam							X										X			
28	Aerobic							X										X			
29	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng								X										X		
30	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo									X										X	
31	Marketing	X										X									
32	Kỹ năng xã hội 1 – Thẻ chất									X										X	
33	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC									X										X	
34	Ngôn ngữ truyền thông									X										X	
35	Truyền thông xã hội										X										X

TT	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
36	Luật và đạo đức báo chí truyền thông								X										X		
37	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý									X										X	
38	Truyền thông quốc tế								X										X		
39	Xây dựng và quản trị thương hiệu										X										X
40	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông										X										X
41	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông									X										X	
42	Quan hệ báo chí									X										X	
43	Chiến dịch truyền thông										X										X
44	Chiến lược Marketing									X										X	
45	Sáng tạo nội dung									X										X	

TT	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
46	Sản xuất sản phẩm truyền thông										X										X
47	Hành vi khách hàng									X										X	
48	Tổ chức sự kiện									X										X	
49	Các chuyên đề truyền thông									X										X	
50	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện					X										X					
51	Văn hóa doanh nghiệp								X										X		
52	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng	X										X									
53	Kỹ năng bán hàng								X										X		
54	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng									X										X	
55	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc					X										X					
56	Gây quỹ									X										X	

TT	Tên học phần	Trực tiếp										Trực tuyến (tối đa 30%)									
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Thực hành	Thực hành + Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
57	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp – CSR									X										X	
58	Truyền thông quảng bá ngôi sao									X										X	
59	Thực tế kinh tế - xã hội										X										X
60	Thực tập nghề nghiệp										X										X
61	Khóa luận tốt nghiệp /Tác phẩm tốt nghiệp										X										X

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	TM51001	Triết học Mác- Lênin	X							
2	KT51001	Kinh tế chính trị Mác- Lênin		X						
3	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học		X						
4	LS51001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X							
5	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X							
6	NP51001	Pháp luật đại cương				X				
7	TG51001	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn			X					
8	QQ56011	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)			x					
9	TT51001	Cơ sở văn hóa Việt Nam			X					
10	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới			X					
11	NN51015	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	X							
12	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	X							
13	ĐC01005	Tin học ứng dụng		X						
14	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	X							
15	NN01016	Tiếng Anh học phần 2		X						
16	NN01017	Tiếng Anh học phần 3			X					
17	NN01023	Tiếng Anh học phần 4				X				
18	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng	X							
19	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo		X						
20	QQ56001	Marketing				X				
21	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thể chất			X					
22	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC		x						

23	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông					X			
24	QQ56005	Truyền thông xã hội					X			
25	QQ52002	Luật và đạo đức báo chí truyền thông			X					
26	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý			X					
27	QQ56004	Truyền thông quốc tế			X					
28	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu					X			
29	QQ53011	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông				X				
30	QQ53006	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông				X				
31	QQ53007	Quan hệ báo chí					X			
32	QQ56007	Chiến dịch truyền thông					X			
33	QQ53002	Chiến lược Marketing					X			
34	QQ53010	Sáng tạo nội dung					X			
35	QQ53009	Sản xuất sản phẩm truyền thông							X	
36	QQ56008	Hành vi khách hàng				X				
37	QQ53012	Tổ chức sự kiện						X		
38	QQ53001	Các chuyên đề truyền thông							X	
39	QQ53004	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện						X		
40	QQ53014	Văn hóa doanh nghiệp						X		
41	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng						X		
42	QQ53003	Kỹ năng bán hàng						X		
43	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng							X	
44	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc							X	
45	QQ56006	Gây quỹ							X	
46	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR							X	
47	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi sao							X	
48	QQ54014	Thực tế kinh tế - xã hội					X			
49	QQ54015	Thực tập nghề nghiệp								X
50	QQ54016	Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp								X

10.2. Kế hoạch điều chỉnh chương trình

Chương trình được đánh giá định kỳ 2 năm/lần, được đổi mới, hoàn thiện theo định kỳ 4 năm/lần, hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo, những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực lao động của cơ quan sử dụng nguồn lực đào tạo.

** Quy trình điều chỉnh chương trình đào tạo:*

- Tổ chức thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của Nhà nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế - xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...).

- Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến của giảng viên trong khoa về các nội dung điều chỉnh.

- Trình Hội đồng khoa học khoa xem xét thông qua các nội dung điều chỉnh.

- Khoa nộp cho Học viện bản đề xuất các nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo, các tài liệu và biên bản theo quy định.

** Các nguyên tắc điều chỉnh chương trình đào tạo:*

- Thời lượng của chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ. Chương trình phải đảm bảo tính khoa học và hội nhập; cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình phải đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

- Các học phần mới bổ sung vào chương trình đào tạo hoặc các học phần thuộc chương trình đào tạo có nội dung được điều chỉnh phải có đề cương chi tiết học phần theo mẫu quy định, được tổ bộ môn thông qua.

- Việc đưa học phần mới, bổ sung và điều chỉnh nội dung học phần phải được Hội đồng khoa học khoa thông qua và xác nhận.

** Điều chỉnh chương trình với học phần thay thế:*

- Người học sử dụng học phần thay thế tương đương với học phần tự chọn trong chương trình khung.

- Trong trường hợp tính đến thời điểm đăng ký, học phần cũ tăng số tín chỉ, thì người học phải học học phần đó với số tín chỉ mới.

- Nếu học phần tích hợp có số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới, người học phải học học phần thay thế trong chương trình khung.

- Đối với học lại, học song bằng, nếu không tổ chức được lớp cho những học phần bắt buộc trong chương trình cũ, người học có thể học các học phần tương đương hoặc thay thế.

10.3. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình:

- Về cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có trụ sở tại số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích đất 80.464m² và diện tích sử dụng là 57.310 m².

Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu, Học viện có một hệ thống giảng đường với 1 hội trường lớn (800 chỗ); 1 giảng đường trên 200 chỗ; 8 phòng học từ 100 - 200 chỗ, 56 phòng học cho 50 - 100 học viên và 29 phòng học dưới 50 chỗ. Hầu hết các giảng đường và phòng học của Học viện đều được lắp đặt máy chiếu Projector để giảng viên sử dụng vào quá trình giảng dạy. Tất cả các giảng đường và phòng học đều được lắp đặt hệ thống âm thanh. Hơn 100 phòng học đã được trang bị điều hòa. Học viện có 3 phòng học ngoại ngữ, 5 phòng giảng dạy và thực hành máy vi tính. Trung tâm Thông tin Tư liệu - Thư viện với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu đa dạng của cán bộ công nhân viên chức và sinh viên trong trường. Ngoài ra, Học viện có phòng dựng phim, phòng máy photocopy, máy in siêu tốc, máy Fax.

Học viện có trang Web được đưa lên mạng Internet và sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong quản lý, khai thác các dữ liệu, tư liệu, tài liệu đào tạo. Khoa QHCC và QC có hệ thống mạng internet wifi và các thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Đặc biệt, Khoa còn xây dựng riêng một tủ sách chuyên ngành PR, quảng cáo, truyền thông - marketing gồm cả tiếng Việt và tiếng Anh, tổ chức phục vụ sinh viên ngay tại văn phòng khoa.

- Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Truyền thông - Marketing của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 01 Nghiên cứu sinh, 06 Thạc sĩ cùng một số lượng đông đảo các tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia ngành Báo chí, truyền thông đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành Quảng cáo – Marketing được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, trình độ ngoại ngữ khá và thành thạo trong công nghệ phục vụ ngành học. Được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín trong và ngoài nước như Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Trường đại học Sư phạm ngoại ngữ Đại học - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Ngoại thương, Đại học Tổng Hợp Công nghệ Sydney (UTS, Úc), Đại học Queensland (Úc), Đại học Nottingham Trent (Anh Quốc), Đại học Murray State (Mỹ). Tham gia giảng dạy chương trình có nhiều giảng viên, chuyên gia ở các trường đại học ở khu vực phía Bắc, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực quan hệ công chúng, truyền thông, marketing và giảng viên mời đến từ một số tổ chức, trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

- Về Thư viện

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m² trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m², số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra

cứ, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu, có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace.

11. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

TT	Tiêu chí	Chương trình năm 2020	Chương trình năm 2022	Ghi chú (Giống/khác nhau, lý giải nguyên nhân, căn cứ của việc điều chỉnh)
1	Mục tiêu chung	Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành truyền thông marketing hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và marketing; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.	Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành truyền thông marketing hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và marketing; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.	- Giống nhau

	Mục tiêu cụ thể	Có 12 mục tiêu cụ thể, trong đó gồm: - 4 mục tiêu kiến thức - 8 mục tiêu kỹ năng và mức độ tự chủ	Có 12 mục tiêu cụ thể, trong đó gồm: - 4 mục tiêu kiến thức - 8 mục tiêu kỹ năng và mức độ tự chủ	- Về cơ bản giống nhau, viết nhất quán lại hơn về các cụm từ “truyền thông marketing” “QHCC”
	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây: - Nhân viên tại các công ty truyền thông chuyên nghiệp trong và ngoài nước. - Cán bộ truyền thông, QHCC, Marketing cho các tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. - Cán bộ nghiên cứu khoa học QHCC và hoạt động thực tiễn. - Cán bộ tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo, quản lý công tác báo chí truyền thông.	Giống năm 2020	Giống nhau
	Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường	Không trình bày cụ thể.	Trình bày cụ thể hơn.	- Bổ sung và ghi rõ thêm cơ hội.
2	Căn cứ xây dựng chương trình	<i>Về các chương trình đào tạo tham khảo:</i> - Chương trình đào tạo trong nước: Chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Truyền thông Marketing của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Khoa QHCC-QC), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2020 - Chương trình quốc tế: Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, QHCC và truyền thông của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2020	<i>Về các chương trình đào tạo tham khảo:</i> - Chương trình đào tạo trong nước: Chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Truyền thông Marketing của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Khoa QHCC-QC), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2022 - Chương trình quốc tế: Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, QHCC và truyền thông của Đại học Middlesex Vương	- Cập nhật toàn bộ thông tin cho phù hợp với thời điểm năm 2022.

		<i>Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội</i> Đưa thông tin về kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, giảng viên, sinh viên vào các năm trước. <i>Các căn cứ pháp lý</i> Đưa thông tin căn cứ pháp lý phù hợp với thời điểm năm 2020.	Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2022 <i>Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội</i> Đưa thông tin về kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, giảng viên, sinh viên vào các năm trước. <i>Các căn cứ pháp lý</i> Đưa thông tin căn cứ pháp lý phù hợp với thời điểm năm 2022.	
3	Chuẩn đầu ra	Có 17 chuẩn đầu ra, trong đó gồm: - 7 PLO về kiến thức - 7 PLO về kỹ năng - 3 PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm	Có 17 chuẩn đầu ra, trong đó gồm: - 7 PLO về kiến thức - 7 PLO về kỹ năng - 3 PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm	- Giống nhau
4	Ma trận liên kết mục tiêu, CDR, Khung trình độ quốc gia	Chưa có	Đã có	- Bổ sung ma trận để làm rõ mối tương quan giữa các mục;
5	Chuẩn đầu vào	Trình bày dưới mục đối tượng tuyển sinh.	Trình bày dưới mục đối tượng tuyển sinh nhưng nội dung có cập nhật theo điều chỉnh của Học viện.	- Điều chỉnh chuẩn đầu vào của CTĐT
6	Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	Trình bày theo thời gian tốt nghiệp. Thời gian: 4 năm	Trình bày theo thời gian tốt nghiệp. Thời gian: 4 năm	- Về cơ bản giống nhau
7	Nội dung chương trình	Tổng 130 tín chỉ, trong đó: - <i>Kiến thức giáo dục đại cương: 44 tín chỉ, gồm:</i> 11 tín chỉ về Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; 18 tín chỉ về Khoa học xã hội và nhân văn, tin học (12 tín bắt buộc và 6 tín tự chọn);	Về cơ bản các môn học giống với năm 2020.	- Bổ sung thêm giờ tự học để thể hiện rõ hơn về vai trò của việc tự nghiên cứu, tự ôn tập sau mỗi giờ giảng trên lớp. - Phân bổ lại cụ thể hơn về

		15 tín chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh) (không kể 12 tín chỉ thể chất và giáo dục quốc phòng) - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 65 tín chỉ, gồm: <u>Kiến thức cơ sở ngành 18 tín chỉ</u> Bắt buộc 12 tín chỉ Tự chọn 6 tín chỉ <u>Kiến thức ngành 26 tín chỉ</u> Bắt buộc 20 tín chỉ Tự chọn 6 tín chỉ <u>Kiến thức chuyên ngành 30 tín chỉ</u> Bắt buộc 17 tín chỉ Thực tập 4 tín chỉ Khoá luận 6 tín chỉ Tự chọn 3 tín chỉ <u>Kiến thức bổ trợ 12 tín chỉ</u> Bắt buộc 9 tín chỉ Tự chọn 3 tín chỉ		số tiết lý thuyết, số tiết thực hành để tương ứng với số tiết tự học. - Tách riêng: Khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp/ học phần thay thế KL
8	Ma trận liên kết học phần với CĐR của CTĐT	Đã có	Đã có	- Cập nhật cho sát hơn nữa với CĐR
9	Kế hoạch giảng dạy dự kiến	Phân bổ theo kỳ	Phân bổ theo kỳ	- Cập nhật cho sát hơn với thực tế giảng dạy

10	Phương pháp giảng dạy và học tập	Liệt kê được một số phương pháp cơ bản	Giống với năm 2020	- Giống nhau
11	Hình thức kiểm tra đánh giá	Trình bày ngắn gọn dạng tóm tắt	Giống với năm 2020	- Điều chỉnh đa dạng, phong phú hơn
13	Điều kiện đội ngũ	Trình bày tổng quan về đội ngũ: số lượng.	Giống với năm 2020	- Giống nhau
14	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ; Học liệu;	Trình bày dưới dạng tóm tắt thông tin	Giống với năm 2020	- Giống nhau
15	Một số lưu ý về thực hiện chương trình	Trình bày ngắn gọn	Giống với năm 2020	- Giống nhau
16	Bản đối sánh	Chưa có, trình bày riêng ở văn bản khác	Đã có	- Bổ sung bảng đối sánh.
17	Đề cương chi tiết học phần	ĐCCT được làm theo các mục khá giống với năm 2018.	ĐCCT được bổ sung thêm PP dạy và học; chi tiết hơn về pp kiểm tra đánh giá. Phân bổ số tín chỉ đã có thêm giờ tự học. Thêm một số ma trận CDR.	- Ghi rõ hơn đội ngũ giảng viên phụ trách; - Làm rõ các ma trận liên kết; - Tóm tắt lại mục tiêu, chuẩn đầu ra môn học; - Cập nhật học liệu cũng như nội dung môn;

12. Mô tả các học phần (Đính kèm đcct)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mô tả học phần (Tóm tắt)	Ghi chú
1	TM51001	Triết học Mác-Lênin	Cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	
2	KT51001	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	
3	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	
4	LS51001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị những kiến thức về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học; sự ra đời của Đảng CSVN (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), đối với các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ	

			xâm lược (1945-1975) và đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên CNXH (1975-2018); và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam (1930-2018).	
5	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	
6	NP51001	Pháp luật đại cương	Bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	
7	TG51001	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	
8	QQ56011	Viết luận Tiếng Anh	Nội dung học phần nhằm trang bị kỹ năng viết luận Tiếng Anh, phương pháp	

		(Academic Writing)	tư duy và diễn giải trong ngôn ngữ viết Tiếng Anh; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn từ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	
9	TT51001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần trang bị những nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	
10	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới	Môn học gồm những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	
11	NN51015	Bồi dưỡng kỹ năng tiếng Anh	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản và khái quát về vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí – truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	
12	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	Trang bị các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	
13	ĐC01003	Tin học ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng	

			các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	
14	NN01011	Tiếng Anh học phần 1	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	
15	NN01012	Tiếng Anh học phần 2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	
16	NN01013	Tiếng Anh học phần 3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	
17	NN01014	Tiếng Anh học phần 4	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bình diện	

			ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	
18	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	
19	QQ56002	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo	Trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo và các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; làm rõ mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông. Người học sẽ được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt	

			động PR và quảng cáo.	
20	QQ56001	Marketing	Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết Marketing, những quy trình nghiên cứu trong marketing, lý thuyết về thương hiệu, chiến lược, 4P trong marketing và định vị thương hiệu. Trên cơ sở đó, người học có khả năng và kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các tình huống thực tiễn kinh doanh trên thương trường, biết cách lập một chiến lược marketing căn bản.	
21	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thể chất	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thể chất, yoga, các hoạt động nâng cao sức khỏe và các lý thuyết về cơ thể. Bên cạnh đó, nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho sinh viên.	
22	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	Trang bị kiến thức cơ bản về mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp trong một chiến dịch truyền thông tiếp thị tích hợp; truyền thông tiếp thị tích hợp (những khái niệm, quy trình trong một chiến dịch IMC, các case studies...) bước đầu có thể vận dụng trong hoạt động Truyền thông marketing, Truyền thông marketing, Marketing phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế xã hội và yêu cầu của nghề nghiệp. Trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá trong việc ứng dụng và tích hợp các công cụ truyền thông và marketing.	
23	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông	Sau khi học xong môn học này sinh viên nắm được kiến thức cơ bản ngôn ngữ truyền thông hiện đại; có thể sử dụng ngôn ngữ truyền thông hiện đại sáng tạo sản phẩm truyền thông; xác lập cách thức sử dụng ngôn ngữ truyền	

			thông phù hợp với nhu cầu của công chúng hiện đại; có ý thức sử dụng hiệu quả, tích cực và sáng tạo ngôn ngữ truyền thông trong các tác phẩm truyền thông; có ý thức bảo vệ và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	
24	QQ56005	Truyền thông xã hội	Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về truyền thông và các phương tiện truyền thông mới, đặc biệt là các phương tiện trên Internet – mạng xã hội. Bên cạnh đó, cập nhật những xu hướng sử dụng phương tiện truyền thông mới hiện nay, những nguyên tắc, kinh nghiệm và bài học để người học rèn luyện kỹ năng truyền thông mạng xã hội một cách hiệu quả.	
25	QQ52002	Luật và đạo đức báo chí truyền thông	Trang bị những kiến thức căn bản về luật pháp, báo chí, luật pháp liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật. Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp, các quy ước, tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp,...	
26	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về truyền thông trong lãnh đạo quản lý. Môn học giúp sinh viên có được khái niệm về công cụ báo chí và dư luận xã hội; hiểu được vị trí, vai trò và đồng thời có kỹ năng cơ bản để thực thi các hoạt động truyền thông trong công tác quản lý, lãnh đạo.	
27	QQ56004	Truyền thông quốc tế	Trang bị các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế,...	

28	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu quá trình xây dựng và quản trị thương hiệu bao gồm: tạo dựng hình ảnh thương hiệu, phân tích thị trường; phân tích tình trạng của thương hiệu; định vị thương hiệu; kiểm nghiệm phương án mới; lập kế hoạch và đánh giá sự thực hiện. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược thương hiệu điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận quản lý thương hiệu. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing, xây dựng thương hiệu và vận dụng những kỹ năng để quản trị thương hiệu đó một cách hiệu quả	
29	QQ53011	Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông	Trang bị kiến thức về hệ thống lý thuyết và kỹ năng thiết kế, trình bày các sản phẩm in và mạng điện tử. Từ đó, người học được rèn luyện khả năng sắp xếp, thiết kế, trình bày để vận dụng vào việc tổ chức xuất bản các sản phẩm truyền thông, phục vụ cho quá trình Truyền thông marketing.	
30	QQ53006	Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông	Trang bị những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cốt lõi về quy trình, các phương pháp và công cụ hỗ trợ nghiên cứu quảng cáo, marketing. Quy trình thực hiện dự án nghiên cứu bao gồm: phát hiện vấn đề và xác định mục tiêu nghiên cứu; lập kế hoạch nghiên cứu, thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu, báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu bao gồm thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, nghiên cứu định tính, định lượng, phân tích nội dung, lập sơ đồ nhận thức, phương pháp Q, các phương pháp	

			phân tích giải thích dữ liệu. Học phần cũng đề cập đến các khả năng ứng dụng nghiên cứu quảng cáo, marketing trong thực tiễn.	
31	QQ53007	Quan hệ báo chí	Trang bị kiến thức đặc thù về hoạt động báo chí tại Việt Nam hiện nay. Môn học cũng đề cập đến mối quan hệ giữa PR và báo chí; cũng các nguyên tắc cần thiết trong quan hệ báo chí. Trang bị kiến thức tổng quan về hoạt động báo chí tại Việt Nam hiện nay và mối quan hệ qua lại giữa báo chí và PR. Trên cơ sở kiến thức nền tảng, người học được trang bị những kỹ năng cơ bản về hoạt động quan hệ với báo chí của một người làm PR, truyền thông tại Việt Nam.	
32	QQ56007	Chiến dịch truyền thông	Trang bị những kiến thức về quy trình nghiên cứu, lập kế hoạch, cũng như phân tích đánh giá một chiến lược Truyền thông marketing, Truyền thông marketing. Từ việc xây dựng triển khai các dự án sáng tạo, cho đến đẩy mạnh chiến dịch truyền thông trên mạng xã hội, người học dần dần sẽ tiếp thu được kỹ năng từ nghiên cứu cho đến lên ý tưởng sáng tạo và sẽ hiểu được tầm quan trọng của việc lên kế hoạch cho Truyền thông marketing và Truyền thông marketing.	
33	QQ53002	Chiến lược Marketing	Trang bị những kiến thức cơ bản về Chiến lược marketing: hoạch định chiến lược marketing trong các tổ chức. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing và vận dụng những kỹ năng để quản lý các công việc đó một cách hiệu quả. Môn học giúp sinh viên có được	

			khung cơ bản về quá trình quản trị hoạt động marketing và có khả năng vận dụng kiến thức đó để có kỹ năng xây dựng được một Bản Kế hoạch Chiến lược Marketing cho một tổ chức.	
34	QQ53010	Sáng tạo nội dung	Trang bị những kiến thức, kỹ năng, phong cách và nguyên tắc sản xuất nội dung các sản phẩm truyền thông. Môn học sẽ cung cấp những kiến thức về tầm quan trọng của sáng tạo nội dung trong truyền thông. Sinh viên sẽ được ứng dụng những kiến thức về nguyên tắc, mô hình, trình bày và quá trình lao động sáng tạo để sản xuất nội dung trên các nền tảng.	
35	QQ53009	Sản xuất sản phẩm truyền thông	Trang bị kiến thức chung về nguyên tắc và phong cách sản xuất các sản phẩm truyền thông. Môn học sẽ trang bị những kiến thức về tầm quan trọng của truyền thông hình ảnh, nghệ thuật âm thanh và màu sắc trong truyền thông. Sinh viên sẽ được ứng dụng những kiến thức về thiết kế và sản xuất vào thực tế thực hành nghề nghiệp.	
36	QQ56008	Hành vi khách hàng	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng bao gồm: khái niệm, quy trình ra quyết định mua, tâm lý học ảnh hưởng đến quyết định mua và lựa chọn thương hiệu/sản phẩm, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi, khả năng nghiên cứu hành vi khách hàng để phục vụ cho việc ra các quyết định marketing... Học phần cũng hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, phản biện và đánh giá các hành vi mua của khách hàng trong thực tế.	

37	QQ53012	Tổ chức sự kiện	Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống,...	
38	QQ53001	Các chuyên đề truyền thông	Trang bị những kiến thức về 10 nội dung chính gồm: tính sáng tạo trong quảng cáo, phát triển ý tưởng quảng cáo, marketing nội dung (content marketing), yếu tố hình ảnh và âm nhạc trong quảng cáo truyền hình, thẩm mỹ thiết kế trong Truyền thông marketing in ấn, quảng cáo trên mạng xã hội, quảng cáo trên nền tảng di động, quảng cáo sắp đặt (product placement), quảng cáo lan truyền (viral advertising), tối đa hóa công cụ tìm kiếm (SEO) và các dạng Truyền thông marketing từ khóa.	
39	QQ53004	Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện	Trang bị những kiến thức cơ bản về tranh biện, quy trình tranh biện, tâm lý học ảnh hưởng đến quá trình tranh biện. Người học có khả năng và kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các tình huống thực tiễn tranh biện trên thương trường.	
40	QQ53014	Văn hoá doanh nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về sự vận hành và các quy luật của kinh tế thị trường, khái quát cách tiếp cận về văn hóa, các loại hình đạo đức, nắm vững kiến thức chuyên ngành về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (VHDN). Trên cơ sở nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của lý luận	

			về đạo đức kinh doanh và VHDN, sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng nghiên cứu đặc thù của việc xây dựng và phát triển VHDN tại Việt Nam, trong các cơ quan báo chí – truyền thông và kinh doanh truyền thông. Môn học cũng đề cập đến mối quan hệ giữa QHCC, QC và VHDN.	
41	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng	Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về vận động hành lang trong quan hệ công chúng, về nghề vận động hành lang ở một số quốc gia, nắm vững các nguyên tắc và pháp luật trong vận động hành lang. Đồng thời, học được về quy trình quản lý vận động hành lang.	
42	QQ53003	Kỹ năng bán hàng	Trang bị những kiến thức cơ bản về bán hàng và mối quan hệ khách hàng. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người phụ trách bán hàng và xây dựng mối quan hệ với khách hàng và vận dụng những kỹ năng để quản lý các công việc đó một cách hiệu quả.	
43	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong hoạt động quản lý vấn đề và quản lý khủng hoảng. Cụ thể, sinh viên được cung cấp các kiến thức về các vấn đề văn hóa, chính trị, xã hội đang ảnh hưởng tới tổ chức, các lý thuyết về quản lý vấn đề và khủng hoảng, các quy trình xử lý khủng hoảng và phục hồi sau khủng hoảng.	
44	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong hoạt động lễ tân ngoại giao, chuẩn bị cho ứng tuyển vào các công việc của thị trường lao động như chuẩn bị hồ sơ xin việc, phỏng vấn với nhà tuyển dụng.	
40	QQ56006	Gây quỹ	Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức	

			thực tế hiểu biết về các khái niệm, kỹ thuật cũng như các lý thuyết mới và tiên tiến về gây quỹ, đặc biệt là trong thời đại truyền thông xã hội. Trong suốt khóa học này, sinh viên sẽ có thể phát triển các kỹ năng quản lý và lãnh đạo, học cách phân tích và đánh giá quy trình và phương pháp gây quỹ.	
46	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, các vấn đề về việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Từng chủ đề của môn học bao gồm mối quan hệ giữa doanh nghiệp và xã hội, tìm hiểu mối quan hệ giữa các nhóm công chúng cùng những vấn đề phát sinh có liên quan, cơ sở lý thuyết về đạo đức doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh trong quản lý và lãnh đạo, cơ sở lý thuyết về trách nhiệm xã hội, mối quan hệ giữa môi trường và doanh nghiệp, các vấn đề của toàn cầu hóa và trách nhiệm của doanh nghiệp. Trang bị kỹ năng thực hành tìm hiểu và nghiên cứu các nhóm công chúng, so sánh sự khác biệt giữa việc xây dựng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với các nhóm này.	
47	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi sao	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho hoạt động truyền thông quảng bá ngôi sao. Cụ thể, sinh viên được cung cấp các kiến thức về các vấn đề văn hoá, chính trị, xã hội đang ảnh hưởng tới hoạt động truyền thông, quảng bá ngôi sao, các lý thuyết về quản lý hoạt động này.	
48	QQ54014	Thực tế kinh tế - xã hội	Học phần nhằm giúp sinh viên thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tế; vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng và hoạt động nghề nghiệp. Trang bị kỹ năng trải nghiệm công việc và học hỏi thêm những điều	

			mới chưa được học trên lớp: trải nghiệm văn hóa làm việc, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, phát hiện điểm mạnh điểm yếu của bản thân, xây dựng các mối quan hệ...	
49	QQ54015	Thực tập nghề nghiệp	Trang bị lý thuyết: củng cố tất cả những kiến thức lý thuyết đã học trong chương trình đào tạo ngành Truyền thông marketing-QHCC, có cơ hội áp dụng những lý thuyết đã học trên lớp vào thực tế công việc. Rèn luyện thực hành: Sinh viên có cơ hội trải nghiệm công việc và học hỏi thêm những điều mới chưa được học trên lớp.	
50	QQ54016	Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp	Hướng dẫn và định hướng cách nghiên cứu, đánh giá, phân tích và trình bày để có được kỹ năng hoàn thiện sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp/Dự án tốt nghiệp tốt.	



GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG BAN
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TS. Trần Văn Thư

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Minh Hiền